

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 50

PHẦN
TỔNG
QUẢN
TRUNG
TÂM
C.Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100414052 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 68 Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 443.753.850.000 đồng

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ghi chú
Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch	
Bà Phạm Thúy An	Phó Chủ tịch	
Ông Ngô Kinh Luân	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	
Ông Châu Minh Đạt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2015
Ông Nguyễn Quốc Đạo	Thành viên	

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Huỳnh Quang Tuấn	Trưởng ban
Bà Hồ Thị Ánh Tuyết	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Quốc Đạo	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thúy An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Long An, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

Số: 16.163HN/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016 từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1/ Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có khoản phải thu lãi cho vay Ông Lê Quang Vinh và Phạm Văn Nhơn với tổng số tiền là 42.513.643.027 đồng; và khoản phải trả lãi cho vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á với số tiền là 42.513.643.027 đồng. Tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa thu thập đầy đủ bằng chứng phù hợp đối với các khoản phải thu và phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

2/ Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn chưa tiến hành trích lập dự phòng cho khoản phải thu khó đòi của Công Ty TNHH Thương mại An Thịnh với tổng số tiền gốc phải thu là 29.575.540.083 đồng và số dự phòng ước tính là 12,39 tỷ đồng. Vấn đề này đã ảnh hưởng đến các số liệu trên báo cáo tài chính năm 2015 như sau:

Trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

- + Chỉ tiêu Dự phòng phải thu khó đòi cuối năm 2015 (mã số 137) đã giảm đi một khoản 12,39 tỷ đồng;
- + Chỉ tiêu Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cuối năm 2015 (mã số 262) đã giảm đi một khoản là 2,48 tỷ đồng;
- + Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm 2015 (mã số 421) đã tăng thêm một khoản là 9,91 tỷ đồng.

Trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015:

- + Chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay (mã số 26) đã giảm đi một khoản là 12,39 tỷ đồng;
- + Chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay (mã số 50) đã tăng thêm một khoản tương ứng 12,39 tỷ đồng;
- + Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay (mã số 60) đã tăng thêm một khoản 9,91 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1191-2015-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.178.605.184.993	887.975.410.661
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.874.424.479	8.586.385.761
1. Tiền	111		6.874.424.479	8.586.385.761
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.119.343.163.381	498.497.115.335
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	683.009.651.216	326.232.609.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	33.186.969.736	103.410.056.388
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	61.993.272.811	38.012.462.707
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	365.680.957.295	57.679.097.877
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(24.527.687.677)	(26.837.111.537)
III. Hàng tồn kho	140	5.8	46.739.190.400	369.030.256.390
1. Hàng tồn kho	141		47.253.855.864	369.058.707.570
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(514.665.464)	(28.451.180)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.648.406.733	11.861.653.175
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.440.496.856	6.654.781.194
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		705.469.486	4.812.651.398
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		502.440.391	394.220.583
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		703.683.795.118	851.869.441.143
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		82.363.239.705	2.673.918.870
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.6	80.000.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	2.363.239.705	2.673.918.870
II. Tài sản cố định	220		309.565.720.078	570.104.564.369
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	268.079.635.857	452.678.336.804
Nguyên giá	222		347.612.512.350	566.989.003.562
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.532.876.493)	(114.310.666.758)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	39.186.413.261	31.094.678.788
Nguyên giá	225		43.757.863.637	32.728.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.571.450.376)	(1.633.821.212)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	2.299.670.960	86.331.548.777
Nguyên giá	228		2.793.122.628	88.223.506.605
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(493.451.668)	(1.891.957.828)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.13	21.658.176.489	-
Nguyên giá	231		26.420.882.816	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.762.706.327)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		96.618.586.759	106.560.621.951
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.9	91.307.764.502	78.893.993.104
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.310.822.257	27.666.628.847
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		132.119.872.432	132.130.340.984
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	132.119.872.432	132.130.340.984
VI. Tài sản dài hạn khác	260		61.358.199.655	40.399.994.969
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.250.378.819	6.139.587.528
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.18	55.107.820.836	34.260.407.441
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.882.288.980.111	1.739.844.851.804

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

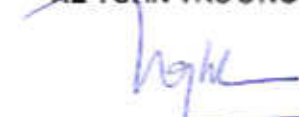
NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.515.088.995.928	1.520.844.724.220
I. Nợ ngắn hạn	310		1.054.301.119.793	743.080.022.157
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	186.839.380.145	257.928.608.902
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		22.582.484.237	13.355.312.312
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		4.757.531.129	2.357.854.032
4. Phải trả người lao động	314		6.146.997.139	12.707.924.862
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.766.814.391	4.379.315.091
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	233.382.334.286	249.771.560.220
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	581.694.270.827	186.246.781.599
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.131.307.639	16.332.665.139
II. Nợ dài hạn	330		460.787.876.135	777.764.702.063
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		8.519.074.545	9.061.834.545
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.16	18.513.790.507	18.513.790.507
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.219.444.553	11.281.279.098
4. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	1.412.999.935	3.020.435.066
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	430.122.566.595	735.874.593.474
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	12.769.373
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		367.199.984.183	219.000.127.584
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	367.199.984.183	219.000.127.584
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		443.753.850.000	443.753.850.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.479.743.076	36.479.743.076
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(105.533.608.893)	(255.595.903.603)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(245.591.325.255)	(255.595.903.603)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		140.057.716.362	-
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	1.862.438.111
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.882.288.980.111	1.739.844.851.804

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 30 tháng 3 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.900.130.492.727	1.471.534.668.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.265.053.789	44.639.325.684
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.892.865.438.938	1.426.895.342.544
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.786.277.527.034	1.290.500.257.750
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		106.587.911.904	136.395.084.794
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	166.364.032.475	3.981.601.676
7. Chi phí tài chính	22	6.4	89.887.935.762	71.747.965.861
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		62.358.779.615	57.019.508.325
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(10.468.552)	(9.265.691)
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	29.309.536.451	62.933.013.522
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	34.613.333.923	49.297.191.046
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		119.130.669.691	(43.610.749.650)
12. Thu nhập khác	31	6.7	2.084.339.016	6.649.886.588
13. Chi phí khác	32	6.8	913.008.133	7.443.487.993
14. Lợi nhuận khác	40		1.171.330.883	(793.601.405)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		120.302.000.574	(44.404.351.055)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	2.098.343.727	36.891.949
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	(20.847.413.395)	(1.938.089.637)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		139.051.070.242	(42.503.153.367)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		140.057.716.362	(42.282.381.064)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.006.646.120)	(220.772.303)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.167	(956)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		3.167	(956)

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 30 tháng 3 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		120.302.000.574	(44.404.351.055)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		34.320.059.653	40.576.619.678
Các khoản dự phòng	03		4.991.616.342	(58.925.392.619)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		955.815.198	12.040.450.131
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(164.700.495.194)	1.338.810.352
Chi phí lãi vay	06		62.358.779.615	57.019.508.325
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		58.227.776.188	7.645.644.812
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(446.439.195.251)	19.477.880.930
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		321.804.851.706	(558.088.725)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		53.893.202.091	220.323.526.873
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.103.493.047	(818.565.670)
Tiền lãi vay đã trả	14		(29.762.215.947)	(23.784.690.176)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(348.444.585)	(519.334.444)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(40.520.532.751)	221.766.373.600
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.885.479.621)	(7.814.233.941)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.827.272.716	19.505.135.612
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(274.135.935.762)	(3.030.593.611)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		397.009.457.214	32.607.634
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(67.052.792.284)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		68.133.552.685	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.055.923	33.585.027
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		116.937.130.871	8.726.500.721

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	817.251.499.343	527.828.512.903
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(888.065.518.702)	(754.540.955.161)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35		(7.319.249.096)	(1.736.900.443)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(78.133.268.455)	(228.449.342.701)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.716.670.335)	2.043.531.620
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.586.385.761	6.544.949.714
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.709.053	(2.095.573)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		6.874.424.479	8.586.385.761

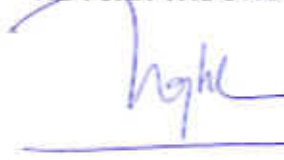
Long An, ngày 30 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100414052 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 04 năm 2014

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất là 443.753.850.000 VND.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 650 (31/12/2014: 2.145).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại tổng hợp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp, cho thuê và mướn kho bãi;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước
- Chế biến, bảo quản thủy hải và các sản phẩm từ thủy sản;
- Khai thác, nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán thủy sản và các sản phẩm chế biến thủy sản;
- Kinh doanh nguyên liệu, hương liệu và thuốc lá điếu;
- Hoạt động vận tải hành khách taxi.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

1.5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2015, Tập đoàn đã chuyển nhượng 02 công ty con 100% vốn chủ sở hữu đó là Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long và Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Hoàng Long. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng đã mua lại 100% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong.

1.6. Số lượng các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>	<u>Ghi chú</u>
1.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.	100%	100%	
2.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%	
3.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	100%	100%	
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	149 Nguyễn Văn Cừ, phường 2, quận 5, Tp.Hồ Chí Minh	100%	100%	
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, Xã Phú Cường, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%	Đã chuyển nhượng 100% vốn tại ngày 31/8/2015
6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, Xã Phú Cường, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%	Đã chuyển nhượng 100% vốn tại ngày 31/8/2015
7.	Công ty TNHH Một thành viên Thức ăn Thủy sản Mekong	Ấp Tân Cường, Xã Phú Cường, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%	Đầu tư vào ngày 31/8/2015

1.7. Danh sách công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>
Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, P.Tân Phong, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh	30%	30%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Tập đoàn đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

4.2 Áp dụng Hướng dẫn kế toán mới

Tập đoàn áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

4.6 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối năm.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7 Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí phát sinh cho nhiều kỳ kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh công chi phí lắp đặt và chạy thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>năm 2015</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 – 20 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 09 năm
▪ Tài sản cố định khác	08 – 50 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Long An, Việt Nam của Tập đoàn. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

4.11 Thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2015</u>
Phương tiện vận tải	08 – 10 năm

4.12 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

4.13 Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

4.14 Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.15 Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư

4.16 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối năm.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.17 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển... được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

4.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ

4.19 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.20 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Thu nhập đầu tư vào công ty liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.

Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

Thu nhập từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

4.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.22 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.23 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.24 Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.25 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

4.26 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.27 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.28 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

▪ Dịch vụ xử lý nước thải, nuôi trồng thủy sản	không chịu thuế
▪ Thương mại phân bón, nông sản, gia công chế biến thủy sản	5%
▪ Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa	5%
▪ Dịch vụ taxi	10%
▪ Thương mại thuốc lá	10%
▪ Các dịch vụ khác	10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

4.29 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.30 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tập đoàn được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tập đoàn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ngay khi mất quyền kiểm soát công ty con, lãi lỗ của Tập đoàn được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn với giá trị tài sản thuần chuyển nhượng tại thời điểm mất quyền kiểm soát cộng với giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

4.31 Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.2, từ năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một vài số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích):

	Đầu năm	VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	38.012.462.707	-
Phải thu ngắn hạn khác	57.679.097.877	90.600.555.542
Tài sản ngắn hạn khác	-	5.091.005.042
Phải thu dài hạn khác	2.673.918.870	-
Tài sản dài hạn khác	-	2.673.918.870
Hàng tồn kho	369.058.707.570	447.952.700.674
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	78.893.993.104	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.355.312.312	22.417.146.857
Người mua trả tiền trước dài hạn	9.061.834.545	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.379.315.091	22.893.105.598
Chi phí phải trả dài hạn	18.513.790.507	-
Tài sản cố định vô hình - Nguyên giá	88.223.506.605	90.780.383.977
Tài sản cố định vô hình - Giá trị hao mòn lũy kế	(1.891.957.828)	(2.292.535.291)
Chi phí trả trước dài hạn	6.139.587.528	3.983.287.619
Phải trả ngắn hạn khác	249.771.560.220	266.187.560.220
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	186.246.781.599	169.830.781.599

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (trích):

	Năm trước	VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Thu nhập khác	6.649.886.588	168.967.933.297
Chi phí khác	7.443.487.993	169.761.534.702

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (trích):

	VND	
	Năm trước (Được báo cáo lại)	Năm trước (Đã được báo cáo trước đây)
Tăng, giảm các khoản phải thu	19.477.880.930	17.054.694.953
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	1.049.450.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	-	(1.624.250.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(3.030.593.611)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	32.607.634	-

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	755.357.249	3.166.566.377
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.119.067.230	5.419.819.384
Cộng	6.874.424.479	8.586.385.761

5.2. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH SX và TM Thanh Thy với tỷ lệ quyền biểu quyết và sở hữu là 30%.

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH SX-TM-DV Kim Hoàng Long	193.670.462.716	35.602.699.379
Công ty TNHH Thương Mại An Thịnh	29.575.540.083	29.575.540.083
Bà Phạm Huyền Trang – Xem thêm mục 9	8.856.725.000	8.856.725.000
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long – Xem thêm mục 9	226.988.961.242	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Hoàng Long – Xem thêm mục 9	89.570.586.510	-
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Cadovimex II – Xem thêm mục 9	41.846.285.370	65.813.426.117
Tổng Công ty CN TP Đồng Nai	2.041.123.744	-
Công ty Cổ phần INDECO	4.322.418.313	-
Các khách hàng khác	86.137.548.238	* 186.384.219.321
Cộng	683.009.651.216	326.232.609.900

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công Ty TNHH Thương Mại An Thịnh	27.584.178.000	35.243.631.711
Công Ty TNHH MTV XNK & TM Vĩnh Thành Long An	-	20.440.000.000
Nguyễn Phước Hòa	-	10.000.000.000
Nantong Square Freezing and Heating Mechanical Equipment Co., Ltd	-	9.294.081.936
Các khách hàng khác	5.602.791.736	28.432.342.741
Cộng	33.186.969.736	103.410.056.388

5.5. Phải thu về cho vay

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long – Xem thêm mục 9	42.861.787.411	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long – Xem thêm mục 9	17.717.277.361	-
Công ty TNHH Thương Mại An Thịnh	1.114.208.039	806.491.391
Công ty Thanh Mỹ	300.000.000	-
Công Ty TNHH SX-TM-DV Kim Hoàng Long	-	34.532.105.716
Các đối tượng khác	-	2.673.865.600
Cộng	61.993.272.811	38.012.462.707
Dài hạn:		
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long – Xem thêm mục 9	80.000.000.000	-
Cộng	80.000.000.000	-

5.6. Phải thu khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu về chuyển nhượng Công ty con	45.210.000.000	-	-	-
Phải thu tiền cho Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long vay – Xem thêm mục 9	151.958.615.757	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Phải thu lãi tiền cho Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long – Xem thêm mục 9	15.282.828.549	-	-	-
Phải thu lợi nhuận chuyển về Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long – Xem thêm mục 9	17.716.678.851	-	-	-
Phải thu thi công công trình ao cá, nhà kho của Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long – Xem thêm mục 9	20.000.000.000	-	-	-
Phải thu Công Ty TNHH Thương Mại An Thịnh	14.471.198.200	-	-	-
Phải thu Công ty Cổ Phần Chế Biến và Xuất Nhập Khẩu CADOVIMEX II – Xem thêm mục 9	40.943.133.909	-	-	-
Thuế VAT để nghị hoàn	8.400.561.816	-	-	-
Lãi từ khoản cho cá nhân vay	41.943.581.239	-	42.513.643.027	-
Phải thu cho Công ty SX-TM-DV Thanh Thy vay – Xem thêm mục 9	542.000.000	542.000.000	542.000.000	542.000.000
Phải thu người lao động	3.148.256.993	-	3.921.855.042	-
Ký cược, ký quỹ	309.351.816	-	1.169.150.000	-
Phải thu thuế nhập khẩu được hoàn	-	-	904.450.380	-
Ứng trước theo hợp đồng kinh tế	-	-	1.802.373.650	-
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	-	-	1.160.241.837	-
Cho mượn	-	-	3.530.045.546	-
Phải thu khác	5.754.750.165	2.330.648.773	2.135.338.395	2.323.893.862
Cộng	365.680.957.295	2.872.648.773	57.679.097.877	2.865.893.862
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	2.363.239.705	-	2.673.918.870	-
Cộng	2.363.239.705	-	2.673.918.870	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.7. Nợ xấu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	26.559.595.188	2.031.907.511	123.319.998.985	96.482.887.448
Cộng	26.559.595.188	2.031.907.511	123.319.998.985	96.482.887.448

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	VND					
	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
PESCADOS PCS, S,L	-	-		39.782.031.891	39.782.031.891	trên 3 năm
HLG Holding Corp, A California Corporation Công ty TNHH Trung Thiên	-	-		26.457.613.565	26.457.613.565	trên 3 năm
Nguyễn Tấn Trung	1.960.634.333	-	trên 3 năm	-	-	
Nguyễn Nhật Linh	1.938.794.102	-	trên 3 năm	-	-	
Các khách hàng khác	22.660.166.753	2.031.907.511	từ 06 tháng đến trên 03 năm	46.195.421.820	19.358.310.283	từ 06 tháng đến trên 03 năm
Cộng	26.559.595.188	2.031.907.511		123.319.998.985	96.482.887.448	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.8. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.219.109.196	(152.760.035)	4.000.876.435	-
Công cụ, dụng cụ	2.306.412.220	-	6.437.268.230	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	273.846.708	-	28.785.431.828	-
Thành phẩm	30.734.955.240	-	281.280.653.119	(28.451.180)
Hàng hóa	2.719.532.500	(361.905.429)	48.554.477.958	-
Cộng	47.253.855.864	(514.665.464)	369.058.707.570	(28.451.180)

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	41.871.460.559	41.871.460.559	41.871.220.559	41.871.220.559
Khu TĐC khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	19.854.359.726	13.590.600.000	19.844.290.818	19.844.290.818
Công trình Công ty Thanh Mỹ	8.023.346.062	8.023.346.062	8.023.346.062	8.023.346.062
Công trình KDC Long Kim 2 - GĐ2	3.524.103.422	3.524.103.422	3.519.669.922	3.519.669.922
HT đường ống NMXL nước thải Long Cang	1.122.361.933	1.122.361.933	918.831.158	918.831.158
Cụm công nghiệp HL-LC	22.123.156.700	22.123.156.700	-	-
Khác	1.052.735.826	1.052.735.826	4.716.634.585	4.716.634.585
Cộng	97.571.524.228	91.307.764.502	78.893.993.104	78.893.993.104

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	VND
						Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	286.022.580.929	181.440.746.342	92.131.467.272	1.367.928.371	6.026.280.648	566.989.003.562
Mua trong năm	133.104.023.794	118.203.304.299	3.839.298.587	471.101.780	202.845.500	255.820.573.960
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	4.880.431.846	4.880.431.846
Thanh lý, nhượng bán	(267.124.024.221)	(164.574.594.146)	(33.670.819.074)	(459.032.431)	(5.820.526.148)	(471.648.996.020)
Chuyển sang BĐSĐT	(9.080.722.816)	-	-	-	-	(9.080.722.816)
Tăng giảm khác	-	-	652.221.818	-	-	652.221.818
Số dư cuối năm	142.921.857.686	135.069.456.495	62.952.168.603	1.379.997.720	5.289.031.846	347.612.512.350
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	21.950.451.396	43.889.785.691	45.633.775.043	1.342.984.143	1.493.670.485	114.310.666.758
Mua trong năm	2.900.909.052	12.632.744.300	626.160.773	86.819.439	-	16.246.633.564
Khấu hao trong năm	5.520.250.701	12.779.430.026	10.343.181.045	42.976.367	1.042.038.579	29.727.876.717
Thanh lý, nhượng bán	(18.007.141.201)	(41.552.776.401)	(14.948.428.173)	(451.773.092)	(1.658.587.604)	(76.618.706.470)
Chuyển sang BĐSĐT	(4.133.594.075)	-	-	-	-	(4.133.594.075)
Số dư cuối năm	8.230.875.873	27.749.183.615	41.654.688.688	1.021.006.857	877.121.460	79.532.876.493
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	264.072.129.533	137.550.960.651	46.497.692.229	24.944.228	4.532.610.163	452.678.336.804
Tại ngày cuối năm	134.690.981.813	107.320.272.880	21.297.479.915	358.990.863	4.411.910.386	268.079.635.857

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 218.597.987.153 đồng – Xem thêm mục 5.14

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.326.690.047 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	VND
	Phương tiện vận tài
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	32.728.500.000
Tăng trong năm	11.029.363.637
Số dư cuối năm	43.757.863.637
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số dư đầu năm	1.633.821.212
Khấu hao trong năm	2.937.629.164
Số dư cuối năm	4.571.450.376
Giá trị còn lại:	
Tại ngày đầu năm	31.094.678.788
Tại ngày cuối năm	39.186.413.261

5.12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	VND
	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	88.223.506.605
Chuyển sang BĐSĐT	(17.340.160.000)
Thanh lý công ty con	(68.090.223.977)
Số dư cuối năm	2.793.122.628
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số dư đầu năm	1.891.957.828
Khấu hao trong năm	1.025.441.520
Thanh lý công ty con	(2.423.947.680)
Số dư cuối năm	493.451.668
Giá trị còn lại:	
Tại ngày đầu năm	86.331.548.777
Tại ngày cuối năm	2.299.670.960

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

				VND
Khoản mục	Từ TSCĐ hữu hình và vô hình chuyển sang	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá:				
Quyền sử dụng đất	17.340.160.000		-	17.340.160.000
Nhà	9.080.722.816			9.080.722.816
Cộng	26.420.882.816	-	-	26.420.882.816
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	4.133.594.075	629.112.252	-	4.762.706.327
Cộng	4.133.594.075	629.112.252	-	4.762.706.327
Giá trị còn lại:				
Quyền sử dụng đất	17.340.160.000	-	-	17.340.160.000
Nhà	4.947.128.741	(629.112.252)	-	4.318.016.489
Cộng	22.287.288.741	(629.112.252)	-	21.658.176.489

Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 21.658.176.489 VND – Xem thêm mục 5.14.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.14. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	VND					
	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	574.555.737.440	574.555.737.440	1.258.632.808.051	863.827.491.710	179.750.421.099	179.750.421.099
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.138.533.387	7.138.533.387	7.138.533.387	6.496.360.500	6.496.360.500	6.496.360.500
Vay dài hạn	413.529.976.800	413.529.976.800	115.201.712.798	422.928.681.331	721.256.945.333	721.256.945.333
Nợ thuê tài chính dài hạn	16.592.589.795	16.592.589.795	9.936.363.637	7.961.421.983	14.617.648.141	14.617.648.141
Cộng	1.011.816.837.422	1.011.816.837.422	1.390.909.417.873	1.301.213.955.524	922.121.375.073	922.121.375.073

Vay ngắn hạn là khoản vay các công ty ngoài tập đoàn và các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6%/năm đối với VND. Mục đích bổ sung vốn lưu động, mở thanh toán L/C. Các khoản vay này được thế chấp bằng bất động sản, quyền sử dụng đất (xem thêm mục 5.10 và 5.13) và các giấy tờ có giá thuộc sở hữu hợp pháp của Tập đoàn và quyền sử dụng đất tại xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tập đoàn và tài sản của Ông Phạm Phúc toại - Xem thêm mục 9;

Vay dài hạn là khoản vay các ngân hàng thương mại với mục đích thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định và lãi suất từ 5%/năm đối với USD;

Nợ thuê tài chính dài hạn theo hợp đồng số: SBL010201511016 và Phụ lục 02 ký kết ngày 24/11/2015 về phương tiện vận tải với thời hạn 48 tháng. Các khoản nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

Thời hạn	VND					
	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	6.496.360.500	-	6.496.360.500	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	3.234.327.478	2.411.438.882	822.888.596	2.842.522.515	1.105.622.072	1.736.900.443
Cộng	9.730.687.978	2.411.438.882	7.319.249.096	2.842.522.515	1.105.622.072	1.736.900.443

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Các khoản vay các bên liên quan được chi tiết như sau – Xem thêm mục 9:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	5.640.000.000	-
Cộng	5.640.000.000	-

5.15. Phải trả người bán

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong	-	-	102.921.938.633	102.921.938.633
DNTN Thương Mại Thanh Đông	25.516.322.350	25.516.322.350	19.212.384.050	19.212.384.050
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	-	-	42.233.066.347	42.233.066.347
Công Ty TNHH SX - TM - DV Kim Hoàng Long	55.190.244.160	55.190.244.160	-	-
Công ty TNHH Hữu Sáng	12.680.389.825	12.680.389.825	-	-
Công ty TNHH Phát triển Chia Tung	7.380.466.044	7.380.466.044	6.956.760.496	6.956.760.496
Lê Ngọc Ánh	-	-	3.169.484.769	3.169.484.769
Công ty Cổ phần HUM	17.605.919.170	17.605.919.170	-	-
Các nhà cung cấp khác	68.466.038.596	68.466.038.596	83.434.974.607	83.434.974.607
Cộng	186.839.380.145	186.839.380.145	257.928.608.902	257.928.608.902
	-	-	-	-
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9:				
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	-	-	42.233.066.347	42.233.066.347
Ông Phạm Phúc Toại	551.094.000	551.094.000	551.094.000	551.094.000
Cộng	551.094.000	551.094.000	42.784.160.347	42.784.160.347

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.16. Chi phí phải trả dài hạn

Là chi phí trích trước cho công trình Long Kim 2.

5.17. Phải trả khác

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	576.707.483	1.255.394.536
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.647.994.633	5.492.971.989
Nhận ký quỹ ký cược	335.161.000	80.161.000
Phải trả về việc chuyển nhượng công ty con	37.210.000.000	-
Tạm mượn các đối tượng khác	4.870.868.585	133.653.397.621
Phải trả lợi nhuận đến ngày 31/8/2015 cho bà Lê Thanh Tuyền	54.330.525.684	-
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	-	1.117.158.250
Phải trả lãi vay	124.543.168.436	97.081.322.328
Phạm Phúc Toại - Xem thêm mục 9	3.735.424	52.331.030
Phạm Hoàng Long - Xem thêm mục 9	-	198.932.510
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II mượn - Xem thêm mục 9	7.000.000.000	7.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.864.173.041	3.839.890.956
Cộng	233.382.334.286	249.771.560.220
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược của tài xế	1.412.999.935	1.490.435.066
Nhận ký quỹ, ký cược khác	-	1.530.000.000
Cộng	1.412.999.935	3.020.435.066

5.18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Cuối năm	VND Đầu năm
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí khu đất Long Kim	2.802.995.016	3.529.210.789
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến việc lỗ tính thuế chưa sử dụng	67.805.735.698	92.050.529.042
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(15.500.909.878)	(61.319.332.390)
Cộng	55.107.820.836	34.260.407.441

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.19. Vốn chủ sở hữu**5.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối và các quỹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	(211.729.934.650)	499.622.521	261.503.280.947
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(42.282.381.064)	(220.772.303)	(42.503.153.367)
Giảm khác	-	-	-	(8.824.049)	-	(8.824.049)
Tăng giảm do góp vốn	-	-	-	(1.574.763.840)	1.583.587.893	8.824.053
Số dư đầu năm nay	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	(255.595.903.603)	1.862.438.111	219.000.127.584
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	140.057.716.362	(1.006.646.120)	139.051.070.242
Tăng giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	10.004.578.348	(855.791.991)	9.148.786.357
Số dư cuối năm nay	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	(105.533.608.893)	-	367.199.984.183

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.19.2. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	44.225.385	44.225.385
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

5.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	4.175,07	181.886,09
EUR	-	333,84

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động thương mại	435.678.721.356	319.237.410.763
Doanh thu thức ăn thủy sản	433.362.798.900	-
Doanh thu hoạt động thi công	5.177.753.616	21.376.262.372
Doanh thu kinh doanh bất động sản	20.361.224.546	470.233.768
Doanh thu cung cấp dịch vụ	606.541.247	957.616.594
Doanh thu cung cấp nước	7.897.234.754	8.078.954.963
Doanh thu taxi	71.088.437.286	80.802.786.711
Doanh thu nuôi trồng và chế biến thủy sản	918.201.506.066	995.919.735.555
Doanh thu khác	491.221.167	52.341.818
Cộng	1.892.865.438.938	1.426.895.342.544

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động thương mại	401.275.606.254	315.463.270.920
Giá vốn thức ăn thủy sản	388.359.815.490	-
Giá vốn hoạt động thi công	8.620.955.099	21.198.093.806
Giá vốn hoạt động bất động sản	19.851.822.046	678.325.394
Giá vốn dịch vụ	1.078.089.668	1.250.000.000
Giá vốn cung cấp nước	5.530.149.625	5.329.382.871
Giá vốn hoạt động taxi	60.584.938.530	64.556.575.230
Giá vốn nuôi trồng và chế biến thủy sản	892.818.480.567	938.196.593.438
Giá vốn hoạt động khác	1.741.149.994	34.512.670
Giảm giá vốn do hàng bán trả lại	-	(56.206.496.579)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.416.519.761	-
Cộng	<u>1.786.277.527.034</u>	<u>1.290.500.257.750</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.304.059.502	33.585.027
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.234.411.109	3.393.652.497
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	63.732.714
Thu nhập từ thanh lý công ty con	154.732.069.864	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	93.492.000	490.631.438
Cộng	<u>166.364.032.475</u>	<u>3.981.601.676</u>

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	62.358.779.615	58.573.048.592
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.224.142.017	1.070.734.424
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	955.815.198	12.104.182.845
Chi phí tài chính khác	1.349.198.932	-
Cộng	<u>89.887.935.762</u>	<u>71.747.965.861</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	941.907.140	1.966.592.954
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	5.020.507.934	15.051.789.485
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	17.619.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.406.263.938	37.867.011.047
Chi phí bằng tiền khác	4.940.857.439	8.030.000.262
Cộng	29.309.536.451	62.933.013.522

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	20.355.642.478	27.414.104.804
Chi phí vật liệu quản lý	1.417.051.349	797.506.034
Chi phí đồ dùng văn phòng	404.395.164	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.413.233.258	3.643.838.561
Thuế, phí và lệ phí	270.032.540	355.266.174
Chi phí dự phòng	(1.424.903.419)	3.381.013.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.512.183.505	5.523.001.532
Chi phí bằng tiền khác	6.665.699.048	8.182.460.176
Cộng	34.613.333.923	49.297.191.046

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ chênh lệch hàng tồn kho	-	75.529.600
Nợ khó đòi xóa sổ nay thu lại được	-	318.695.109
Thu tiền bán phế liệu	-	1.280.222.722
Thu lãi trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng	187.612.153	238.620.732
Xử lý quỹ hỗ trợ tai nạn và quỹ sửa chữa	-	1.592.425.847
Thu nhập khác	1.896.726.863	3.144.392.578
Cộng	2.084.339.016	6.649.886.588

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	335.634.172	1.372.395.379
Chi phí xử lý ao nuôi	-	216.663.973
Phạt chậm nộp tiền sử dụng đất	-	386.792.581
Chi phí xử lý hàng tồn kho	-	187.743.663
Chi phí xử lý công nợ	-	2.847.307.679
Chi phí khác	577.373.961	2.432.584.718
Cộng	913.008.133	7.443.487.993

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.310.317.390.596	1.178.424.643.620
Chi phí nhân công	105.015.196.318	126.487.764.993
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.320.059.653	40.576.619.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.459.695.198	45.636.107.035
Chi phí khác bằng tiền	26.873.358.310	11.995.950.167
Cộng	1.543.985.700.075	1.403.121.085.493

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.584.137.876	36.891.949
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(485.794.149)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.098.343.727	36.891.949

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Tập đoàn và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Trích trước chi phí Công trình Long Kim 2	Lỗ phát sinh từ hoạt động kinh doanh	Khác	VND Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	(3.520.636.815)	(86.566.801.471)	57.763.379.204	(32.322.317.804)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(8.573.974)	(5.483.727.571)	3.554.211.908	(1.938.089.637)
Số dư đầu năm nay	(3.529.210.789)	(92.050.529.042)	61.319.332.390	(34.260.407.441)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	726.215.773	24.244.793.344	(45.818.422.512)	(20.847.413.395)
Số dư cuối năm nay	(2.802.995.016)	(67.805.735.698)	15.500.909.878	(55.107.820.836)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các khoản đi vay thực thu trong năm

Là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất, thương mại
- Thi công, xây lắp
- Dịch vụ taxi
- Bất động sản
- Nuôi trồng, chế biến thủy sản
- Hoạt động khác

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	VND							
	Thương mại	Thực ăn thủy sản	Thi công	Bất động sản	Taxi	Nuôi trồng và chế biến thủy sản	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	435.678.721.356	433.362.798.900	5.177.753.616	20.361.224.546	71.088.437.286	918.201.506.066	8.994.997.168	1.892.865.438.938
Giá vốn	401.275.606.254	388.359.815.490	8.620.955.099	19.851.822.046	60.584.938.530	892.818.480.567	14.765.909.048	1.786.277.527.034
Lãi gộp	34.403.115.102	45.002.983.410	(3.443.201.483)	509.402.500	10.503.498.756	25.383.025.499	(5.770.911.880)	106.587.911.904
Chi phí bán hàng	3.090.757.857	4.672.755.016	-	-	2.451.970.167	19.094.053.411	-	29.309.536.451
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.813.307.271	1.722.414.889	852.592.782	-	10.418.071.496	14.398.771.926	1.408.175.558	34.613.333.923
Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng	25.499.049.974	38.607.813.505	(4.295.794.265)	509.402.500	(2.366.542.907)	(8.109.799.838)	(7.179.087.438)	42.665.041.530
Doanh thu tài chính	8.174.962.498	104.694.808	-	-	16.178.615	3.336.126.690	154.732.069.864	166.364.032.475
Chi phí tài chính	41.779.324.598	13.911.346.066	-	-	3.698.698.468	30.498.566.630	-	89.887.935.762
Lợi nhuận tài chính	(33.604.362.100)	(13.806.651.258)	-	-	(3.682.519.853)	(27.162.439.940)	154.732.069.864	76.476.096.713
Thu nhập khác	436.555.670	(107.493.633)	-	-	355.567.645	1.399.709.334	-	2.084.339.016
Chi phí khác	211.221.946	1.686.874	-	-	335.634.172	364.465.141	-	913.008.133
Lợi nhuận khác	225.333.724	(109.180.507)	-	-	19.933.473	1.035.244.193	-	1.171.330.883
Lỗ từ hoạt động liên doanh	-	-	-	-	-	-	(10.468.552)	(10.468.552)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.879.978.402)	24.691.981.740	(4.295.794.265)	509.402.500	(6.029.129.287)	(34.236.995.585)	147.542.513.874	120.302.000.574
Chi phí thuế TNDN	(22.164.110.230)	1.549.519.368	-	-	1.624.579.252	240.941.942	-	(18.749.069.668)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.284.131.828	23.142.462.372	(4.295.794.265)	509.402.500	(7.653.708.539)	(34.477.937.527)	147.542.513.874	139.051.070.242
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.006.646.120)	-	(1.006.646.120)
Lợi ích của Công ty mẹ	14.284.131.828	23.142.462.372	(4.295.794.265)	509.402.500	(7.653.708.539)	(33.471.291.407)	147.542.513.874	140.057.716.362

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Thương mại	Thực ăn thủy sản	Thi công	Bất động sản	Taxi	Nuôi trồng và chế biến thủy sản	Khác	VND Tổng cộng
Tài sản bộ phận	392.864.389.837	390.776.054.056	4.668.933.587	18.360.318.431	64.102.546.601	827.969.457.184	8.111.055.006	1.706.852.754.701
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	175.436.225.410
Tổng tài sản	392.864.389.837	390.776.054.056	4.668.933.587	18.360.318.431	64.102.546.601	827.969.457.184	8.111.055.006	1.882.288.980.111
Nợ phải trả bộ phận	344.177.339.196	342.347.807.503	4.090.320.172	16.084.953.760	56.158.421.317	725.360.536.820	7.105.865.032	1.495.325.243.801
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	19.763.752.127
Tổng nợ phải trả	344.177.339.196	342.347.807.503	4.090.320.172	16.084.953.760	56.158.421.317	725.360.536.820	7.105.865.032	1.515.088.995.928
Chi phí mua sắm tài sản	(12.362.455)	(2.706.222.177)	-	-	(1.087.419.379)	(14.064.714.602)	(14.761.007)	(17.885.479.621)
Chi phí khấu hao	850.486.948	2.514.769.646	982.876.335	56.623.899	11.140.785.609	17.080.643.150	1.693.874.066	34.320.059.653

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Lĩnh vực							VND
	<u>Thương mại</u>	<u>Thi công</u>	<u>Bất động sản</u>	<u>Dịch vụ Taxi</u>	<u>Chế biến thủy sản</u>	<u>Khác</u>	Cộng
Doanh thu thuần	319.237.410.763	21.376.262.372	470.233.768	80.802.786.711	995.919.735.555	9.088.913.375	1.426.895.342.544
Giá vốn	315.463.270.920	21.198.093.806	678.325.394	64.556.575.230	881.990.096.859	6.613.895.541	1.290.500.257.750
Lãi gộp	3.774.139.843	178.168.566	(208.091.626)	16.246.211.481	113.929.638.696	2.475.017.834	136.395.084.794
Lãi từ hoạt động bán hàng	<u>(6.608.249.436)</u>	<u>(1.419.178.152)</u>	<u>(238.710.760)</u>	<u>1.794.414.175</u>	<u>28.936.044.282</u>	<u>1.700.560.117</u>	<u>24.164.880.226</u>
Doanh thu tài chính	1.433.891.310	-	-	5.810.503	2.541.899.863	-	3.981.601.676
Chi phí tài chính	31.029.387.889	-	-	4.040.691.215	36.677.886.757	-	71.747.965.861
Lợi nhuận tài chính	<u>(29.595.496.579)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(4.034.880.712)</u>	<u>(34.135.986.894)</u>	<u>-</u>	<u>(67.766.364.185)</u>
Thu nhập khác	451.757.810	-	-	2.244.888.322	3.953.240.456	-	6.649.886.588
Chi phí khác	205.255.749	-	-	2.617.061.917	4.621.170.327	-	7.443.487.993
Lợi nhuận khác	<u>246.502.061</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(372.173.595)</u>	<u>(667.929.871)</u>	<u>-</u>	<u>(793.601.405)</u>
Lỗ từ hoạt động liên doanh	-	-	-	-	-	(9.265.691)	(9.265.691)
Tổng lợi nhuận trước thuế	<u>(35.957.243.954)</u>	<u>(1.419.178.152)</u>	<u>(238.710.760)</u>	<u>(2.612.640.132)</u>	<u>(5.867.872.483)</u>	<u>1.691.294.426</u>	<u>(44.404.351.055)</u>
Thuế TNDN	(1.294.280.882)	-	470.175.065	(368.212.804)	(708.879.067)	-	(1.901.197.688)
Lợi nhuận sau thuế	<u>(34.662.963.072)</u>	<u>(1.419.178.152)</u>	<u>(708.885.825)</u>	<u>(2.244.427.328)</u>	<u>(5.158.993.416)</u>	<u>1.691.294.426</u>	<u>(42.503.153.367)</u>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(220.772.303)	-	(220.772.303)
Lợi ích của Công ty mẹ	<u>(34.662.963.072)</u>	<u>(1.419.178.152)</u>	<u>(708.885.825)</u>	<u>(2.244.427.328)</u>	<u>(4.938.221.113)</u>	<u>1.691.294.426</u>	<u>(42.282.381.064)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau :

							VND
	<u>Thương mại</u>	<u>Thi công</u>	<u>Bất động sản</u>	<u>Dịch vụ Taxi</u>	<u>Chế biến thủy sản</u>	<u>Khác</u>	Cộng
Tài sản bộ phận	352.735.073.083	23.619.278.994	519.575.516	89.281.443.574	1.100.421.845.505	10.042.615.356	1.576.619.832.028
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	163.225.019.776
Tổng tài sản	<u>352.735.073.083</u>	<u>23.619.278.994</u>	<u>519.575.516</u>	<u>89.281.443.574</u>	<u>1.100.421.845.505</u>	<u>10.042.615.356</u>	<u>1.739.844.851.804</u>
Nợ phải trả bộ phận	333.402.792.636	22.324.781.904	491.099.245	84.388.213.392	1.040.111.245.990	9.492.211.750	1.490.210.344.917
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	30.634.379.303
Tổng nợ phải trả	<u>333.402.792.636</u>	<u>22.324.781.904</u>	<u>491.099.245</u>	<u>84.388.213.392</u>	<u>1.040.111.245.990</u>	<u>9.492.211.750</u>	<u>1.520.844.724.220</u>
Chi phí mua sắm tài sản	(385.475.596)	(7.389.084)	-	-	(7.229.622.031)	(191.747.230)	(7.814.233.941)
Chi phí khấu hao	708.880.442	1.804.478.871	34.759.891	12.772.943.221	24.273.384.800	982.172.453	40.576.619.678

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

	VND							
	Trong nước		Nước ngoài		Loại trừ		Cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu:								
Từ khách hàng bên ngoài	1.724.958.033.525	911.208.118.799	167.907.405.413	515.687.223.745	-	-	1.892.865.438.938	1.426.895.342.544
Giữa các bộ phận	90.693.428.487	57.984.788.341	-	-	(90.693.428.487)	(57.984.788.341)	-	-
Cộng	1.815.651.462.012	969.192.907.140	167.907.405.413	515.687.223.745	(90.693.428.487)	(57.984.788.341)	1.892.865.438.938	1.426.895.342.544
Tài sản của bộ phận	1.715.319.763.818	1.111.056.085.997	166.969.216.293	628.788.765.807	-	-	1.882.288.980.111	1.739.844.851.804
Chi phí mua sắm tài sản	(17.885.479.621)	(7.814.233.941)	-	-	-	-	(17.885.479.621)	(7.814.233.941)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	Công ty con
5. Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	Công ty con từ ngày 31/8/2015
6. Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	Công ty liên kết
7. Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	Công ty được kiểm soát bởi thành viên quản lý chủ chốt
8. Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Công ty được kiểm soát bởi thành viên quản lý chủ chốt
9. Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Công ty được kiểm soát bởi thành viên quản lý chủ chốt
10. Công ty Cổ phần Thủy Hải sản MeKong	Công ty được kiểm soát bởi thành viên quản lý chủ chốt
11. Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
12. Ông Nguyễn Quốc Đạo	Tổng Giám đốc Công ty
13. Bà Phạm Huyền Trang	Con của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
14. Ông Phạm Hoàng Long	Con của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 5.3:		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	41.846.285.370	65.813.426.117
Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	226.988.961.242	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy Sản Hoàng Long	89.570.586.510	-
Cộng	367.262.558.122	74.670.151.117

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Phải về cho vay ngắn hạn – Xem thêm mục 5.5:		
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	42.861.787.411	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy Sản Hoàng Long	17.717.277.361	-
Cộng	60.579.064.772	-
		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khác – Xem thêm mục 5.6:		
Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	542.000.000	542.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	40.943.133.909	-
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	205.594.123.157	-
Cộng	247.079.257.066	542.000.000
		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Phải về cho vay dài hạn – Xem thêm mục 5.5:		
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	80.000.000.000	-
		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.15:		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	-	(42.233.066.347)
Ông Phạm Phúc Toại	(551.094.000)	(551.094.000)
Cộng	(551.094.000)	(42.784.160.347)
		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả khác – Xem thêm mục 5.17:		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Ông Phạm Phúc Toại	(3.735.424)	(52.331.030)
Ông Phạm Hoàng Long	-	(198.932.510)
Cộng	(7.003.735.424)	(7.251.263.540)
		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn – Xem thêm mục 5.14:		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	(5.640.000.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	171.948.995.050	264.370.618.622
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	149.216.547.500	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy Sản Hoàng Long	96.724.192.000	-
Cộng	417.889.734.550	264.370.618.622
		VND
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng và nguyên vật liệu:		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Cadovimex II	-	21.654.351.235
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	10.014.771.821	-
Cộng	10.014.771.821	21.654.351.235
		VND
	Năm nay	Năm trước
Cho vay ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	17.678.948.250	-
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	324.605.468.229	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy Sản Hoàng Long	17.104.000.000	-
Cộng	359.388.416.479	-
		VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay phải thu:		
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	25.704.735.116	-
		VND
	Năm nay	Năm trước
Vay ngắn hạn nhận được:		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Cadovimex II	11.280.000.000	7.000.000.000
		VND
	Năm nay	Năm trước
Nhận thanh toán hộ:		
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	65.115.441.091	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tập đoàn cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất từ 6%/năm đến 11%/năm đối với VND. Khoản vay này được bảo đảm và không có thời gian hoàn trả cụ thể. Khoản cho vay đối với các bên liên quan có lãi suất 11%/năm đối với VND và không có thời gian hoàn trả tiền vay.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Tập đoàn công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận

Cam kết bảo lãnh:

Ông Phạm Phúc Toại đã dùng cổ phần tự do chuyển nhượng do Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long phát hành thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc của các công ty trong Tập đoàn	4.047.524.513	3.952.957.001

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Tập đoàn có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Tập đoàn.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Tập đoàn có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Tập đoàn có thể có các rủi ro lãi suất.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Tập đoàn đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Tập đoàn. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Tập đoàn. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Tập đoàn có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.874.424.479	8.586.385.761
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.043.832.568.318	380.607.219.382
Phải thu cho vay ngắn hạn	61.993.272.811	38.012.462.707
Ký quỹ, ký cược	2.672.591.521	3.843.068.870
Cộng	1.115.372.857.129	431.049.136.720
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.011.816.837.422	922.121.375.073
Phải trả người bán và phải trả khác	414.797.678.274	239.103.141.739
Chi phí phải trả	21.280.604.898	22.893.105.598
Nhận ký quỹ, ký cược	1.748.160.935	3.100.596.066
Cộng	1.449.643.281.529	1.187.218.218.476

Tập đoàn kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Tập đoàn đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Tập đoàn có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	VND	
	31/12/2015	01/01/2015
Tiền và tương đương tiền	6.874.424.479	8.586.385.761
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.043.832.568.318	380.607.219.382
Cộng	1.050.706.992.797	389.193.605.143

Tập đoàn không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu.

Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Thuyết minh 5.7 cung cấp những phân tích về phòng phải thu khó đòi.

Các tài sản sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và do đó không có những rủi ro về tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Rủi ro thanh khoản

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Vay và nợ	Phải trả người bán	Chi phí phải trả	Nhận ký quỹ ký cược	VND Cộng
Dưới 01 năm	581.694.270.827	414.797.678.274	2.766.814.391	335.161.000	999.593.924.492
Từ 1 - 5 năm	430.122.566.595	-	18.513.790.507	1.412.999.935	450.049.357.037
Số dư ngày 31/12/2015	1.011.816.837.422	414.797.678.274	21.280.604.898	1.748.160.935	1.449.643.281.529
Dưới 01 năm	186.246.781.599	239.103.141.739	4.379.315.091	80.161.000	429.809.399.429
Từ 1 - 5 năm	735.874.593.474	-	18.513.790.507	3.020.435.066	757.408.819.047
Số dư ngày 31/12/2015	922.121.375.073	239.103.141.739	22.893.105.598	3.100.596.066	1.187.218.218.476

Tập đoàn dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Tập đoàn dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Tập đoàn đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Vào ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các hợp đồng vay chưa rút tiền sẵn sàng sử dụng cho hoạt động kinh doanh và thanh toán các cam kết vốn. Tập đoàn duy trì các hợp đồng vay quan trọng để bảo đảm có thể tài trợ cho các kế hoạch hoạt động và tận dụng các cơ hội kinh doanh khi phát sinh. Hàng tháng, HĐQT được cung cấp một bảng kê về các khoản nợ tài chính đến hạn và các hợp đồng vay chưa sử dụng để hỗ trợ HĐQT trong việc quản lý rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất.

		VND
	31/12/2015	01/01/2015
Nợ tài chính: theo lãi suất thả nổi	1.011.816.837.422	922.121.375.073

Phân tích độ nhạy cảm

Phân tích này được thực hiện đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng một khoản thay đổi về lãi suất là 1% có thể xảy ra vào cuối năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016. Ảnh hưởng về thay đổi lãi suất đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi, nếu đã xảy ra vào cuối niên độ hiện hành, đã được đánh giá về mặt thay đổi dòng tiền và chi phí và đã được định lượng như sau:

Một khoản tăng hoặc giảm 1% lãi suất sẽ tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế là 6.893.168.340 VND (2014: 7.192.546.726 VND).

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2016.

Long An, ngày 30 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ KHẢ HÂN

NGUYỄN THỊ TRÚC

NGUYỄN QUỐC ĐẠO